

Phụ lục 03 – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

Tên gói thầu: Mua sắm vật tư, linh kiện thiết bị, dụng cụ năm 2025 của bệnh viện II Lâm Đồng

Hạng mục số	Mã phần/ lô	Tên phần/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1.1	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Dây nội soi dạ dày	<p>Dây nội soi dạ dày Xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD, Sản xuất 2024 trở về sau, Đạt chứng nhận chất lượng quốc tế: ISO 13485</p> <p>Cấu hình cơ bản Dây nội soi dạ dày: ≥ 01 cái Nhựa ngáng miệng ≥ 01 chiếc van sinh thiết ≥ 10 cái chổi rửa dài ≥ 1 cái chổi rửa ngắn: ≥ 1 cái van tăng cường ≥ 1 cái ống hút rửa: ≥ 1 bộ nắp đậy ổ van: ≥ 1 cái</p> <p>Tương thích với hệ thống nội soi dạ dày, tá tràng CV-170 hãng Olympus đang sử dụng tại bệnh viện II Lâm Đồng</p> <p>Chức năng tối thiểu Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao Có hỗ trợ chức năng quan sát giúp quan sát các cấu trúc khác nhau trên bề mặt niêm mạc, qua đó giúp phát hiện các khu vực khả nghi. Chức năng quan sát gần cho phép quan sát hình ảnh với kích thước lớn</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>và cận cảnh thông qua việc di chuyển ống soi đến gần niêm mạc đến $\leq 2\text{mm}$.</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Trường nhìn: $\geq 140^\circ$</p> <p>Hướng nhìn thẳng: 0°</p> <p>Độ sâu trường nhìn nằm trong khoảng từ $\leq 2\text{-}$ cho đến $\geq 100\text{mm}$</p> <p>Đường kính ngoài của thân ống soi: $\leq 9.2\text{ mm}$</p> <p>Đường kính bên trong kênh dụng cụ: $\leq 2.8\text{ mm}$</p> <p>Độ dài làm việc của ống soi: $\geq 1.030\text{ mm}$</p> <p>Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy dụng cụ: $\leq 3.0\text{ mm}$ từ đầu cuối ống soi</p> <p>Đầu cuối ống soi gồm ≥ 5 thành phần: ≥ 1 kênh khí/nước, ≥ 2 đường dẫn sáng, ≥ 1 thấu kính, ≥ 1 đầu ra kênh dụng cụ</p> <p>- Độ uốn cong của đầu ống soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng lên: $\geq 210^\circ$ + Hướng xuống: $\geq 90^\circ$ + Hướng phải: $\geq 100^\circ$ + Hướng trái: $\geq 100^\circ$
1.2	PP2500469252	Phân/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Máy cắt đốt điện cao tần	<p>Máy cắt đốt điện cao tần</p> <p>Cấu hình cơ bản</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Hệ thống máy chính xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD, Sản xuất 2024 trở về sau, Đạt chất lượng ISO13485 Dây cắt đốt đơn cực ≥ 01 cái Dây cắt đốt lưỡng cực ≥ 01 cái - Dây cáp kết nối và bản điện cực trung tính ≥ 01 cái Sử dụng màn hình cảm ứng hoặc các dạng màn hình khác. Người dùng có thể chọn các cấp độ người dùng khác nhau.</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cổng cắm đơn cực: ≥ 1 - Số cổng cắm lưỡng cực: ≥ 1 - Ngõ ra đơn cực: <ul style="list-style-type: none"> + Cắt thuần: $\geq 120W$ + Cắt xung chậm/nhanh: $\geq 120W$ + Cầm máu nhẹ: $\geq 120W$ + Cầm máu tăng cường: $\geq 120W$ - Ngõ ra lưỡng cực: <ul style="list-style-type: none"> + Cắt lưỡng cực: $\geq 100W$ - Tần số cao tần: $\geq 356 \text{ kHz} \pm 20\%$ <p>Chức năng an toàn</p> <p>Chế độ kiểm soát tia đốt giúp bảo vệ dụng cụ nội soi</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Có khả năng quản lý chất lượng tiếp xúc để giảm nguy cơ bỏng nhiệt cho bệnh nhân</p> <p>Có cảm biến, bảo vệ rò rỉ dòng điện: đo lường và kiểm soát dòng điện rò rỉ, giảm nguy cơ các tác hại không mong muốn cho người dùng và bệnh nhân, hoặc các dạng cảnh báo vệ khác tương đương</p>
1.3	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Máy bơm tưới rửa nội soi	<p>Máy bơm tưới rửa nội soi</p> <p>Cấu hình chung</p> <p>Hệ thống máy chính xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD, Sản xuất 2024 trở về sau, Đạt chất lượng ISO13485</p> <p>Ống nối kênh nước phụ ≥ 10 cái</p> <p>Bình chứa nước dung tích ≥ 2 lít: 1 cái</p> <p>bàn đạp hoặc dùng dây cáp điều khiển ≥ 1 cái</p> <p>Chức năng tối thiểu</p> <p>Dùng để rửa sạch các chất bẩn trong dạ dày, đại tràng giúp cho trường nhìn rõ ràng, hỗ trợ chẩn đoán cũng như điều trị.</p> <p>Có thể dùng để bơm chất lỏng cho cả kênh dụng cụ và kênh nước phụ.</p> <p>Hỗ trợ trong nội soi siêu âm sử dụng đầu dò bằng cách giúp bơm nước làm đầy các cơ quan cần quan sát nhanh hơn.</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Có đầu nối vào kênh dụng cụ để có thể kết hợp bơm qua đường kênh</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>dụng cụ và sử dụng dụng cụ nội soi</p> <p>Chế độ tự động dừng sau khi kích hoạt giúp kiểm soát quá trình bơm</p> <p>Bình chứa nước có thể hấp tiệt trùng được</p> <p>Tốc độ bơm tối đa cho kênh dụng cụ: $\geq 750\text{ml/ phút}$</p> <p>Tốc độ bơm tối đa cho kênh nước phụ: $\geq 230\text{ml/ phút}$</p> <p>Chức năng an toàn</p> <p>Có chức năng ngăn chặn tình trạng vượt quá áp lực cho phép</p> <p>Bộ điều khiển tự động dừng nếu có lỗi kết nối giúp ngăn ngừa sự cố xảy ra</p> <p>Có Đèn cảnh báo giúp dễ quan sát và lựa chọn chức năng</p>
1.4	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Thông lọng cắt Polyp	<p>Yêu cầu chung</p> <p>Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Thông lọng cắt Polyp (Cold snare)</p> <p>Thông lọng cắt polyp (có thể dùng trong cắt nóng và cắt lạnh). Thông lọng cắt polyp dạng lục giác, dây mỏng, tương thích kênh dụng cụ $\geq 2.8\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 230\text{ cm}$, độ mở hàm: $\geq 10\text{mm}$, $\geq 15\text{mm}$. Tiệt trùng</p>
1.5	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Thông lọng cắt Polyp (hot snare)	<p>Yêu cầu chung</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Thông lọng cắt Polyp (Hot snare)</p> <p>Vòng cắt polyp hình oval. Dây bện với độ cứng dây tối ưu hỗ trợ cho việc cầm máu và điều khiển, đã tích hợp với tay cầm thích hợp có vạch đo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Chiều dài làm việc ≥ 2300 mm - Đường kính lọng $\leq 15 - \geq 25$ mm - Độ dày dây 0.47 mm $\pm 5\%$ - Sử dụng một lần
1.6	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Vòng thắt Endoloop	<p>Yêu cầu chung</p> <p>Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Vòng thắt Endoloop size 30 (dùng trong các trường hợp polyp cuộn dài)</p> <p>Lọng thắt cầm máu đã lắp sẵn với tay cầm, sử dụng trực tiếp, cầm máu an toàn trước thủ thuật cắt polyp, dùng chung ống soi có đường kính kênh dụng cụ $\leq 2,8$mm, chiều dài làm việc ≥ 2300mm, lọng thắt nylon đường kính 30mm.</p>
1.7	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	<p>Yêu cầu chung</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		tư kèm theo		Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á Sản xuất 2024 trở về sau Bộ thắt tĩnh mạch thực quản Dùng búi giãn tĩnh mạch thực quản bao gồm tay quay, đầu thắt, dây kéo có thể tái sử dụng
1.8	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Yêu cầu chung Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á Sản xuất 2024 trở về sau Đầu thắt tĩnh mạch thực quản Dùng trong nội soi can thiệp thắt búi giãn tĩnh mạch bao gồm đầu thắt, dây kéo , kim bơm
1.9	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Kẹp cầm máu (hemoclip)	Yêu cầu chung Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á Sản xuất 2024 trở về sau Hemoclip kẹp cầm máu dùng một lần (dùng trong xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng) Kẹp cầm máu nội soi tiêu hoá, được đựng trong 1 vỏ bọc để có thể lắp ráp một cách nhanh chóng và dễ dàng, vỏ bọc vô trùng và sử dụng 1 lần. Chiều dài 7.5 mm \pm 5% và xấp xỉ 9 mm \pm 5%. Góc ngoài 90 độ hoặc 135

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				độ
1.10	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Kim tiêm nội soi cầm máu	<p>Yêu cầu chung</p> <p>Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Kim tiêm nội soi cầm máu dùng một lần (dùng trong xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng)</p> <p>Kim tiêm nội soi dùng trong kiểm soát các tổn thương chảy máu ở ruột non. Kim được cấu tạo gồm 2 phần: hệ thống đưa kim (tay cầm, ống gắn với kim) và kim. Kim làm bằng kim loại, kích cỡ 23G. Kim có chiều dài 4mm ±5%. Chiều dài ống gắn kim (working length) 1650 - 2300 mm. Tiệt trùng.</p>
1.11	PP2500469252	Phần/lô 1 - Dây nội soi dạ dày và các vật tư kèm theo	Pedan chụp hình nội soi	<p>Yêu cầu chung</p> <p>Xuất xứ Châu Âu, G7 hoặc OECD hoặc châu Á</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Pedan chụp hình nội soi</p> <p>Kết nối với hệ thống máy tính không dây qua Bluetooth và phần mềm trả kết quả nội soi.</p>
2	PP2500469253	Phần/lô 2 - Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Cấu hình cơ bản</p> <p>Máy chính xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD sản xuất 2024 trở về sau ,đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>Cáp đo và bộ đo ECG kèm điện cực ≥ 1 bộ</p> <p>Cáp đo và bộ phụ kiện SPO2 ≥ 1 bộ</p> <p>Cáp đo ≥ 01 cái và bao đo huyết áp không xâm lấn người lớn ≥ 2 cái, trẻ nhi: ≥ 1 cái, Sơ sinh : ≥ 1 cái</p> <p>Cáp đo và bộ phụ kiện đo nhiệt độ: ≥ 01 bộ</p> <p>Xe đẩy monitor di động có khoá hãm ≥ 01 cái</p> <p>Pin sạc lưu trữ điện áp ≥ 01 cái</p> <p>Chức năng tối thiểu</p> <p>Có khả năng theo dõi các thông số: Điện tim (ECG), nhịp thở (Resp), SpO2, huyết áp không xâm lấn (NIBP), nhiệt độ.</p> <p>Khả năng lưu trữ dữ liệu xu hướng của bệnh nhân dưới dạng biểu đồ và dạng số liệu</p> <p>Máy có khả năng lưu trữ dữ liệu sóng theo lịch sử báo động, và có pin lưu trữ</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Màn hình:</p> <p>Màn hình : cảm ứng hoặc các dạng khác</p> <p>Kích thước ≥ 12 inch</p> <p>Có khả năng hiện thị ≥ 5 dạng sóng</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Có khả năng hiện thị tối thiểu các thông số theo dõi như: ECG, SpO2, RESP, NIBP, nhiệt độ</p> <p>Tính năng đo điện tim</p> <p>Máy lắp được 3 hoặc 5 điện cực hoặc nhiều hơn.</p> <p>Có khả năng lựa chọn được các đạo trình đo</p> <p>Dải phóng đại: $\leq 0.5x$, $1x$, $2x$ và $\geq 4x$ hoặc $\leq 5 \text{ mm/mV}$, 10 mm/mV, $\geq 20 \text{ mm/mV}$</p> <p>Dải đo nhịp tim: từ ≤ 20 đến ≥ 350 nhịp/phút</p> <p>Độ chính xác ≤ 2 nhịp/Phút</p> <p>Cài đặt báo động: Giới hạn trên và dưới</p> <p>Tính năng đo nhịp thở:</p> <p>Người lớn/trẻ em: nằm trong khoảng Từ 0 cho đến ≥ 120 nhịp/phút</p> <p>Sơ sinh: nằm trong khoảng từ 0 đến ≥ 200 nhịp/phút</p> <p>Độ chính xác $\pm \leq 5\%$</p> <p>Cài đặt giới hạn cảnh báo: trên dưới</p> <p>Tính năng đo nồng độ bão hòa oxy trong máu:</p> <p>Dải đo : nằm trong khoảng từ 0 cho đến 100%</p> <p>Dải đo nhịp mạch: nằm trong khoảng từ 0 cho đến ≥ 250 nhịp/phút</p> <p>Độ chính xác $\leq 3\%$</p> <p>Có Dải đo chỉ số tưới máu</p> <p>Tính năng đo huyết áp không xâm lấn NIBP:</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Phương pháp đo: Dao động, xả áp theo bước hoặc các dạng đo khác</p> <p>Có các chế độ đo: Thủ công, tự động</p> <p>Tâm thu:</p> <p>Người lớn/trẻ em: nằm trong khoảng từ ≤ 30 cho đến ≥ 290 mmHg</p> <p>Trẻ sơ sinh nằm trong khoảng từ ≤ 30 cho đến ≥ 140 mmHg</p> <p>Tâm trương:</p> <p>Người lớn/trẻ em: nằm trong khoảng từ ≤ 10 cho đến ≥ 220 mmHg</p> <p>Trẻ sơ sinh nằm trong khoảng từ ≤ 10 cho đến ≥ 110 mmHg</p> <p>Độ chính xác NIBP: ≤ 8 mmHg</p> <p>Cài đặt báo động: Giới hạn trên và dưới tùy chỉnh</p> <p>Tính năng đo nhiệt độ</p> <p>Hiển thị tối thiểu 2 kênh nhiệt độ: T1, T2 hoặc nhiều hơn</p> <p>Dải đo: nằm trong khoảng từ ≤ 10 cho đến ≥ 50 độ C</p> <p>Cài đặt báo động: Giới hạn trên và dưới tùy chỉnh</p>
3	PP2500469254	Phần/lô 3 - Hệ thống kéo dẫn cột sống	Hệ thống kéo dẫn cột sống	<p>Hệ thống kéo dẫn cột sống</p> <p>Cấu hình cơ bản</p> <p>Máy chính xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD sản xuất 2024 trở về sau ,đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p>màn hình màu cảm ứng</p> <p>Có thước đo độ góc kéo từ 0 cho đến 35 độ</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Ghế gác chân tăng giảm được độ cao ≥ 01 cái</p> <p>Đai kéo cổ bằng thanh trượt ≥ 01 cái</p> <p>Bộ đai kéo lưng và ngực ≥ 01 bộ</p> <p>Dây siết giữ đai vùng chậu ≥ 01 cái</p> <p>Giường kéo, điều khiển độ cao bằng điện ≥ 4 đoạn</p> <p>Thanh gác đầu kéo xoay góc nghiêng</p> <p>Dây kéo ≥ 01 cái</p> <p>Chức năng tối thiểu</p> <p>Thiết bị có chế độ kéo tối thiểu như: Chế độ kéo tĩnh, gián đoạn, theo chu kỳ hoặc kết hợp cả ba chế độ hoặc nhiều hơn</p> <p>Cài đặt chương trình điều trị trống dành cho người dùng tự cài đặt</p> <p>Có các chương trình điều trị thông thường. Chọn vùng điều trị qua mô hình giải phẫu cho từng khu vực như: Cổ/ lưng/ hông/ cổ tay.</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Màn hình:</p> <p>Màn hình : cảm ứng hoặc các dạng khác</p> <p>Có thể điều chỉnh xoay các hướng</p> <p>Theo dõi các thông số cài đặt khi điều trị bệnh nhân</p> <p>Đầu máy kéo:</p> <p>Lực kéo:nằm trong khoảng từ 0 cho đến ≥ 90 Kg</p> <p>Thời gian kéo và thời gian giữ: 0 cho đến ≥ 99 phút .</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Lặp lại (Xung theo chu kỳ): 1 - > 100 lần Thời gian kéo: từ 0 cho đến ≥ 99 phút Thời gian giữ: từ 0 cho đến ≥ 99 giây Thời gian nghỉ: từ 0 cho đến ≥ 99 giây Bước kéo: 1- ≥ 9 bước (liên tục / ngắt quãng) Cài đặt thời gian điều trị từ 1 phút cho đến ≥ 90 phút</p> <p>Giường kéo Loại ≥ 4 phân đoạn điều khiển độ cao bằng điện Phần đầu bệnh nhân, góc điều chỉnh: từ \leq âm 45 độ cho đến \geq dương 45 độ Phần chân bệnh nhân, góc điều chỉnh: từ 0 độ cho đến ≥ 60 độ. Chiều cao điều khiển từ ≤ 53 cho đến ≥ 93cm Giường kéo được trang bị ghế gác chân có thể thay đổi độ cao.</p>
4	PP2500469255	Phần/lô 4 - Máy siêu âm trị liệu	Máy siêu âm trị liệu	<p>Máy siêu âm trị liệu</p> <p>Cấu hình cơ bản Máy chính xuất xứ Châu Âu hoặc G7 sản xuất 2024 trở về sau, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 màn hình màu cảm ứng Đầu dò 1 MHz 5cm² : ≥ 01 cái Đầu dò 3 MHz 5cm²: ≥ 01 cái</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Chức năng tối thiểu</p> <p>Máy siêu âm điều trị với 02 kênh đầu ra độc lập, hoàn chỉnh với đầu dò đa tần 1/3 MHz \pm 15%</p> <p>Các đầu phát có thể được sử dụng ở chế độ tự động hoặc được kích hoạt bằng cách tiếp xúc với bệnh nhân, cũng có thể hoạt động ở chế độ phát xạ liên tục</p> <p>Có các chương trình điều trị thông thường. Chọn vùng điều trị cho từng khu vực như: Cổ/ lưng/ hông/ cổ tay.</p> <p>Khả năng tích hợp nhiều loại đầu phát siêu âm khác nhau</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Màn hình:</p> <p>Màn hình : cảm ứng hoặc các dạng khác</p> <p>Theo dõi các thông số cài đặt khi điều trị bệnh nhân</p> <p>Tần số siêu âm: 1 MHz và 3 MHz \pm 15%</p> <p>Điều chỉnh chu kỳ làm việc: \leq 10% - \geq 100%,</p> <p>Cường độ liên tục cực đại: 2 W / cm² \pm 20%,</p> <p>Cường độ xung cực đại: 3 W / cm² \pm 20%</p> <p>Kênh đầu ra: \geq 02</p> <p>Lưu trữ các giao thức: Có sẵn</p>
5.1	PP2500469256	Phân/lô 5 - Đầu dò Convex máy siêu âm màu	Đầu dò convex C2-8	<p>Đầu dò convex máy siêu âm màu</p> <p>Yêu cầu chung</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<p>Đầu dò xuất xứ Châu Âu hoặc G7 hoặc OECD</p> <p>Đảm bảo tiêu chuẩn ISO 9001 ,ISO 13485</p> <p>Sản xuất 2024 trở về sau</p> <p>Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <p>Đầu dò convex</p> <p>Phạm vi áp dụng: Ổ bụng, Cơ xương khớp, Sản khoa, phụ khoa, Nhi khoa, Mạch máu, Tiết niệu</p> <p>Dải tần: nằm trong khoảng từ ≤ 2 cho đến ≥ 8 MHz</p> <p>Bán kính cong: ≥ 51.07 mm</p> <p>Trường nhìn: ≥ 68.176 độ</p> <p>Số chấn tử: ≥ 128</p> <p>Có hướng dẫn sinh thiết</p> <p>Tương thích với máy siêu âm màu model: CH40 đang sử dụng tại bệnh viện</p>
5.2	PP2500469256	Phân/lô 5 - Đầu dò Convex máy siêu âm màu	Đầu dò convex CA1-7A	<p>Đầu dò convex</p> <p>Phạm vi áp dụng: Ổ bụng, Cơ xương khớp, Sản khoa, phụ khoa, Nhi khoa, Mạch máu, Tiết niệu</p> <p>Dải tần: nằm trong khoảng từ ≤ 1 cho đến ≥ 7 MHz</p> <p>Bán kính cong: ≥ 45 mm</p> <p>Trường nhìn: ≥ 70 độ</p>

Hạng mục số	Mã phân/ lô	Tên phân/ lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				Số chấu tử: ≥ 160 Có hướng dẫn sinh thiết Tương thích với máy siêu âm màu model: RS80 đang sử dụng tại Bệnh viện